

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày 26/6/2019
*“V/v tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt.**

2- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa.** –Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 82/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Tô Thị Phi Y,** sinh năm 1983.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Tô Thị Phi Y: Bà **Đỗ Thị N,** sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: **Chị Trần Thị Kiều D,** sinh năm 1993.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn B,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019 của chị Tô Thị Phi Y và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án của bà Đỗ Thị N là người đại diện cho chị Y trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 27/7/2018 âm lịch, chị Trần Thị Kiều D có đến hỏi mượn của chị Tô Thị Phi Y số tiền là 15.000.000đ để mua nhôm, kiếng về làm đồ nhôm cho khách hàng, khi mượn thì chị D có làm biên nhận cho chị Y và hẹn là trong vòng 40 ngày sẽ trả đủ tiền lại cho chị Y.

Khi đến hẹn, chị Trần Thị Kiều D không có tiền trả đủ 15.000.000đ nên có đến gặp chị Y xin hẹn lại đến ngày 30/9/2018 âm lịch sẽ trả và có gửi số tiền là 1.000.000đ, nói là gửi cho con chị Y mua sữa uống cho con, vì đồ chưa giao được cho khách hàng nên chưa có tiền trả nên chị Y đồng ý.

Đến ngày 30/9/2018 âm lịch, chị Y đến lấy tiền thì chị D cũng không trả cho chị Y mà cứ hẹn nhiều lần và sau đó thì nói là khi nào có sẽ trả.

Vì vậy, Chị Tô Thị Phi Y làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Kiều D trả lại cho chị Y số tiền đã mượn là 15.000.000đ và yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất do nhà nước quy định từ ngày 27/7/2018 âm lịch cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền 1.000.000đ chị D giao cho chị Y thì chị Y đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Kiều D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D và anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các biên bản ghi lời khai của mình, chị Trần Thị Kiều D trình bày: Chị thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ do chị Tô Thị Phi Y cung cấp là chữ ký của mình và chị có hỏi mượn của chị Y số tiền là 15.000.000đ nhưng chị đã trả được số tiền là 5.000.000đ đến nay chỉ còn nợ lại chị Y số tiền là 10.000.000đ, các lần trả nợ cho chị Y thì không có giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến.

Nay chị đồng ý tiếp tục trả cho chị Y số tiền còn nợ là 10.000.000đ, trả trong vòng 3 tháng, mỗi lần trả 2.000.000đ, thời gian bắt đầu trả là vào ngày 15/8/2019.

Về trách nhiệm trả nợ: Chị D xác định việc chị mượn số tiền này của chị Y thì anh B chồng chị không biết và chị mượn tiêu xài cá nhân, nay chị đồng ý tự mình có trách nhiệm trả số tiền nợ này.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đỗ Thị N vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Kiều D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là 15.000.000đ cho chị Y và yêu cầu tính lãi với số tiền trên theo mức lãi suất do nhà nước quy định từ ngày 27/7/2018 âm lịch cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền 1.000.000đ chị D giao cho chị Y thì đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi.

Bị đơn chị Trần Thị Kiều D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với chị D thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, các giao dịch này thực hiện từ năm 2018 nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Trần Thị Kiều D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Kiều D, anh Trần Văn B.

[4] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện chị Y yêu cầu giải quyết buộc chị D có trách nhiệm trả số tiền nợ đã mượn là 15.000.000đ và tính lãi với số tiền trên theo mức lãi suất do nhà nước quy định từ ngày 27/7/2018 âm lịch cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền 1.000.000đ chị D giao cho chị Y thì đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như các biên nhận mượn tiền ngày 27/7/2018 âm lịch, cũng như lời khai của chị D thừa nhận là có mượn tiền của chị Y đúng như chị Y trình bày nhưng chị D cho rằng đã trả cho chị Y được số tiền là 5.000.000đ chỉ còn nợ lại là 10.000.000đ tuy nhiên chị D không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi đó về phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của chị Diễm.

Do đó, có căn cứ xác định đến thời điểm này chị D vẫn còn nợ của chị Tô Thị Phi Y số tiền là 15.000.000đ đúng như lời bày của nguyên đơn, tuy nhiên về số lượng nợ buộc chị D trả cho chị Y thì HĐXX thấy rằng cần xem xét lại cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bởi theo nội dung khởi kiện, lời trình bày của bà Đỗ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của chị Y và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy việc cho mượn tiền giữa chị Y và chị D là thỏa thuận chị D mượn của chị Y số tiền là 15.000.000đ, hạn 40 ngày sau sẽ trả như vậy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi.

Cũng theo lời trình bày của nguyên đơn thì khi đến hạn trả nợ chị D có gửi cho chị Y nhận số tiền là 1.000.000đ như vậy tính từ ngày 07/9/2018 âm lịch (tức là ngày 16/10/2018) đến thời điểm này mới phát sinh lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn và thời gian tính lãi từ ngày 16/10/2018 đến ngày 26/6/2019 là 08 tháng 10 ngày.

Số tiền lãi chị D phải có trách nhiệm trả cho chị Y sẽ là 15.000.000đ x 10%/năm (0.83%/tháng) x 08 tháng 11 ngày, cụ thể là: $(15.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 8 \text{ tháng}) + (15.000.000đ \times 0,027\%/ngày \times 10 \text{ ngày}) = 1.036.500đ$.

Như vậy tính tới thời điểm này, số tiền gốc và lãi chị Trần Thị Kiều D phải có trách nhiệm trả cho chị Tô Thị Phi Y là 16.036.500đ.

Ghi nhận ý kiến của đại diện nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 1.000.000đ mà bị đơn đã gửi trả, như vậy số tiền còn lại chị D phải có trách nhiệm trả cho chị Tô Thị Phi Y là 15.036.500đ (Mười lăm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng)

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, qua trao đổi thảo luận HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Trần Thị Kiều D trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng 15.036.500đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, trong việc mượn tiền thì chỉ có chị D trực tiếp thực hiện giao dịch và nhận tiền, chị Y chỉ nghe nói là mượn tiền về mua nhôm,

kiêng nhưng thực tế cũng không biết là chị D sử dụng số tiền trên vào mục đích gì, trong khi đó chị D xác định là chị mượn chi xài cá nhân do không có căn cứ xác định được anh B là chồng của chị D biết được việc này hay không cũng như có cùng sử dụng số tiền mượn này không nên không có căn cứ để xem xét buộc anh B cùng có trách nhiệm với chị D trả số tiền này cho chị Yến.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Y và bà Nương xác định chỉ yêu cầu chị Trần Thị Kiều D có trách nhiệm trả số tiền nợ mà không yêu cầu anh B chồng chị D cùng có trách nhiệm trả nên HĐXX ghi nhận, không đề cập xem xét trách nhiệm trả nợ của anh B trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền án phí chị D phải chịu là $15.036.500đ \times 5\% = 751.825đ$, làm tròn là 752.000đ (Bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng)

Chị Tô Thị Phi Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000906 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Tô Thị Phi Y** đối với **chị Trần Thị Kiều D** về việc vay tài sản.

2. Buộc chị Trần Thị Kiều D trả cho chị Tô Thị Phi Yến số tiền vay còn nợ gốc và lãi tổng cộng là 15.036.500đ (Mười lăm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Kiều D phải chịu tiền án phí là 752.000đ (Bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng)

Chị Tô Thị Phi Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000906 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/6/2019). Đối với bị đơn chị Trần Thị Kiều D, người có liên quan anh Trần Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh